

Số: 39 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức, bao gồm:

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối (sau đây gọi là tổ chức tín dụng được phép).
- Tổ chức kinh tế (không bao gồm tổ chức tín dụng).
- Tổ chức khác bao gồm: cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam.

Điều 2. Các trường hợp mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép

1. Tổ chức tín dụng được phép thực hiện các hoạt động ngoại hối ở nước ngoài theo Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) được mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động ngoại hối phù hợp với nội dung được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và quy định pháp luật nước sở tại nơi mở tài khoản ngoại tệ, không phải làm thủ tục xin cấp phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp thực hiện khoản vay nước ngoài phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức tín dụng được phép được mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo hợp đồng hoặc thỏa thuận đã ký với bên cho vay nước ngoài về việc phải mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài và theo quy định pháp luật nước sở tại nơi mở tài khoản ngoại tệ, không phải làm thủ tục xin cấp phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (sau đây gọi là Giấy phép), tổ chức tín dụng được phép được mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài theo các nội dung quy định trong Giấy phép, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có), quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật nước sở tại nơi tổ chức tín dụng được phép mở tài khoản trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức tín dụng được phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước sở tại;

b) Tổ chức tín dụng được phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động của văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Điều 3. Các trường hợp mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức kinh tế

Sau khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, tổ chức kinh tế được mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài theo các nội dung quy định trong Giấy phép, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có), quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật nước sở tại nơi tổ chức kinh tế mở tài khoản trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức kinh tế mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật nước sở tại.

2. Tổ chức kinh tế mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài phục vụ

cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

3. Tổ chức kinh tế là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi là bên đi vay) mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo thỏa thuận với bên cho vay nước ngoài. Bên đi vay có thể dùng 01 tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện một hoặc nhiều khoản vay nước ngoài.

4. Tổ chức kinh tế là doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài.

5. Tổ chức kinh tế mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài bao gồm hợp đồng thầu xây dựng ở nước ngoài; hợp đồng mua bán tàu với bên nước ngoài; các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng khác với bên nước ngoài, không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài.

Điều 4. Các trường hợp mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức khác

Sau khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, các tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư này được mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài theo các nội dung quy định trong Giấy phép, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật nước sở tại nơi tổ chức mở tài khoản trong các trường hợp để tiếp nhận viện trợ, tài trợ của nước ngoài hoặc các trường hợp khác được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép.

Điều 5. Thời hạn sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài

1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Thông tư này, thời hạn sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (sau đây gọi là thời hạn của Giấy phép) được xem xét căn cứ vào thời hạn tại văn bản của cơ quan thẩm quyền của nước sở tại cho phép thành lập và hoạt động tạm thời đối với tổ chức mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước sở tại.

Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài không cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tạm thời, thời hạn của Giấy phép là 01 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 Thông tư này, thời hạn của Giấy phép được xem xét căn cứ vào thời hạn hiệu lực của văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cho phép tổ chức được

thành lập và hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Trong trường hợp văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cho phép tổ chức được thành lập và hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài không quy định thời hạn hiệu lực, thời hạn của Giấy phép tối đa không quá 03 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

3. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, thời hạn của Giấy phép được xem xét căn cứ vào thời hạn bên đi vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ khoản vay nước ngoài theo thỏa thuận vay nước ngoài (bao gồm cả thỏa thuận thay đổi khoản vay nước ngoài) và văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (nếu có).

4. Đối với trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 3 Thông tư này, thời hạn của Giấy phép được xem xét căn cứ vào thời hạn thực hiện các cam kết, thỏa thuận hoặc thời hạn hiệu lực của hợp đồng với bên nước ngoài.

5. Đối với trường hợp quy định tại Điều 4 Thông tư này, thời hạn của Giấy phép được xem xét căn cứ vào thời hạn tiếp nhận viện trợ, tài trợ của nước ngoài hoặc thời hạn tại văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đối với các trường hợp khác.

Điều 6. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp thủ tục hành chính chưa được cung cấp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố, có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

3. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là văn bản điện tử, bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) trừ Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Đơn đề nghị cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép được khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

4. Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực, bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào

bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

5. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép phải được lập thành một bộ bằng tiếng Việt, trường hợp hồ sơ gốc bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, bản dịch phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Tổ chức phải thực hiện thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật hiện hành đối với văn bản của cơ quan có thẩm quyền của bên nước ngoài cho phép tổ chức được mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Điều 7. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ là 03 ngày làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tuyến hoặc kể từ khi Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận hồ sơ theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Điều 8. Thẩm quyền cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép

Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối xem xét, quyết định cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Chương II

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Điều 9. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép

1. Các tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này cho tổ chức.

Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

3. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối cấp Giấy phép và nêu rõ lý do.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Văn bản chứng minh mục đích mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài bao

gồm:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Thông tư này:

(i) Tài liệu của bên nước ngoài chứng minh việc tổ chức phải chuyển tiền sang nước sở tại hoặc phải mở tài khoản tại nước sở tại để đáp ứng điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước sở tại;

(ii) Văn bản về việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng được phép hoặc Quyết định về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức kinh tế ký;

(iii) Văn bản của cơ quan thẩm quyền của nước sở tại cho phép thành lập và hoạt động tạm thời cho văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài (nếu có);

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Thông tư này:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép được thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài;

(ii) Văn bản về việc thành lập văn phòng đại diện của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng được phép;

(iii) Quyết định phê duyệt dự toán chi phí hàng năm cho hoạt động văn phòng đại diện ở nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng được phép ký;

c) Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;

(ii) Quyết định về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức kinh tế ký;

(iii) Quyết định phê duyệt chi phí hàng năm cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký;

d) Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này:

Thỏa thuận về tài khoản hoặc văn bản chứng minh bên cho vay yêu cầu bên đi vay phải mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài, trong đó quy định rõ ngân hàng mở tài khoản, mục đích mở tài khoản, nội dung thu, chi trên tài khoản, hạn mức hoặc căn cứ của hạn mức chuyển tiền ra nước ngoài;

đ) Đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này:

Hợp đồng hoặc thỏa thuận về tài khoản đã ký với bên nước ngoài hoặc tài

liệu chứng minh mục đích mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài;

e) Đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này:

(i) Cam kết, thỏa thuận, hợp đồng đã ký với bên nước ngoài và văn bản của bên nước ngoài yêu cầu phải mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện cam kết, thỏa thuận, hợp đồng trong trường hợp cam kết, thỏa thuận, hợp đồng không có điều khoản yêu cầu phải mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài;

(ii) Quyết định phê duyệt dự toán chi phí hàng năm ở nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký;

(iii) Tài liệu liên quan đến công trình thầu ở nước ngoài trong trường hợp thực hiện hợp đồng thầu ở nước ngoài: hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu chính; hợp đồng ký giữa nhà thầu chính và nhà thầu phụ hoặc các giấy tờ tài liệu liên quan khác;

(iv) Văn bản giải trình các nguồn thu dự kiến từ nước ngoài chuyển về nước kèm các tài liệu chứng minh (nếu có);

(v) Biên bản kiểm tra giám định hoặc Giấy chứng nhận đăng kiểm tạm thời còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc văn bản chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài (trong trường hợp mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện hợp đồng mua bán tàu với bên nước ngoài);

(vi) Văn bản chứng minh nguồn ngoại tệ để thực hiện hợp đồng mua bán tàu với bên nước ngoài (trong trường hợp mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện hợp đồng mua bán tàu với bên nước ngoài);

g) Đối với trường hợp quy định tại Điều 4 Thông tư này:

(i) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về việc thành lập tổ chức;

(ii) Văn bản của bên nước ngoài về việc tài trợ, viện trợ trong đó yêu cầu mở tài khoản ở nước ngoài để nhận nguồn tài trợ, viện trợ;

(iii) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về việc được nhận (được giao tiếp nhận) nguồn tài trợ, viện trợ hoặc các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Chương III

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP

Điều 11. Các trường hợp sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Giấy phép

1. Các trường hợp sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Giấy phép:

a) Thay đổi tên gọi của tổ chức mở tài khoản ngoại tệ;

b) Sửa đổi, bổ sung mục đích sử dụng tài khoản;

- c) Sửa đổi, bổ sung nội dung thu, chi trên tài khoản;
- d) Tăng (bổ sung) hạn mức chuyển ngoại tệ từ trong nước sang tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài hàng năm;
- đ) Thay đổi hạn mức số dư tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài;
- e) Gia hạn thời hạn sử dụng tài khoản ở nước ngoài;
- g) Thay đổi ngân hàng nơi tổ chức mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài khi mục đích, phạm vi và nội dung khác liên quan đến việc sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài không thay đổi;
- h) Thay đổi ngân hàng chuyển tiền tại Việt Nam;
- i) Thay đổi đồng tiền mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài.

2. Tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) phải thực hiện các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với một hoặc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, tổ chức phải nộp hồ sơ trong thời hạn tối thiểu 15 ngày làm việc trước ngày Giấy phép hết hạn.

Điều 12. Trình tự, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép

1. Tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép, lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này cho tổ chức.

Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

3. Trường hợp từ chối cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép và nêu rõ lý do.

Điều 13. Hồ sơ cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép

1. Đơn đề nghị cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Văn bản chứng minh việc thay đổi, bổ sung các nội dung trong Giấy phép bao gồm:

a) Đối với Giấy phép đã được cấp theo trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 và khoản 1 Điều 3 Thông tư này:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép thành lập và hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c, d, e khoản 1 Điều 11 Thông tư này sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cấp phép thành lập và hoạt động chính thức cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế, cấp phép thành lập và hoạt động chính thức cho văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép);

(ii) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài cho phép gia hạn thời hạn hoạt động tạm thời của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài hoặc văn bản giải trình về sự cần thiết phải gia hạn tài khoản trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài không cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tạm thời của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài (đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Thông tư này);

(iii) Quyết định phê duyệt chi phí hàng năm cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài (đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c, d, e khoản 1 Điều 11 Thông tư này sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cấp phép thành lập và hoạt động chính thức cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế, cấp phép thành lập và hoạt động chính thức cho văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép);

b) Đối với Giấy phép đã được cấp theo trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 Thông tư này:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài cho phép gia hạn thời hạn hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, trừ trường hợp văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài cho phép thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài không quy định thời hạn hoạt động (đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Thông tư này);

(ii) Quyết định phê duyệt chi phí hàng năm cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký (đối với việc trường hợp quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 11 Thông tư này);

(iii) Các giấy tờ cần thiết khác (nếu có) chứng minh cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

c) Đối với Giấy phép đã được cấp theo trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này:

(i) Thỏa thuận về việc sửa đổi nội dung của tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài. Trường hợp tài khoản được sử dụng để thực hiện thêm khoản vay nước ngoài mới, tổ chức nộp hồ sơ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

(ii) Báo cáo tình hình sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đến thời

điểm đề nghị cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung kèm cam kết của bên đi vay về tính chính xác của báo cáo;

d) Đối với Giấy phép đã được cấp theo trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này:

Hợp đồng/Phụ lục sửa đổi hợp đồng hoặc thỏa thuận sửa đổi đã ký với bên nước ngoài liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoặc các tài liệu khác chứng minh cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

đ) Đối với Giấy phép đã được cấp theo trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này:

(i) Cam kết, thỏa thuận, hợp đồng thay đổi/Phụ lục sửa đổi đã ký với bên nước ngoài liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có);

(ii) Văn bản của bên nước ngoài yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung nội dung mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài trong trường hợp điều khoản này không có trong cam kết, thỏa thuận, hợp đồng (nếu có);

(iii) Các giấy tờ cần thiết khác (nếu có) chứng minh cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

e) Đối với Giấy phép đã được cấp theo trường hợp quy định tại Điều 4 Thông tư này:

Các giấy tờ cần thiết chứng minh cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

Điều 14. Xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong trường hợp tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài

Trong quá trình xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép, trường hợp Ngân hàng Nhà nước phát hiện tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (bao gồm cả hành vi không tuân thủ chế độ báo cáo), việc xem xét cấp Giấy phép hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức được thực hiện sau khi tổ chức chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

Chương IV

CÁC TRƯỜNG HỢP TỰ ĐỘNG HẾT HIỆU LỰC CỦA GIẤY PHÉP VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

Điều 15. Các trường hợp tự động hết hiệu lực của Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép

1. Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) của tổ chức tự động hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- a) Hết thời hạn của Giấy phép;
- b) Tổ chức không mở tài khoản sau 01 năm kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực;
- c) Hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài bị hủy bỏ, trừ trường hợp tài khoản đang được sử dụng để thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng vay nước ngoài còn hiệu lực;
- d) Văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài ngừng hoạt động khi chưa hết thời hạn của Giấy phép;
- đ) Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của bên đi vay chấm dứt hiệu lực hoặc đương nhiên hết hiệu lực theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp, trừ trường hợp tài khoản đang được sử dụng để thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng vay nước ngoài còn hiệu lực;
- e) Tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép theo trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 và khoản 1 Điều 3 nhưng cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài có văn bản từ chối không cấp phép trong thời gian Giấy phép còn hiệu lực;
- g) Tổ chức bị chia, bị sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
- h) Tổ chức bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc văn bản có giá trị tương đương.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) tự động hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức có trách nhiệm:

- a) Đóng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài và chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản (nếu có) về nước, đồng thời báo cáo kèm theo xác nhận của ngân hàng nước ngoài cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính (đối với các trường hợp quy định tại điểm a, c, d, đ, g, và h khoản 1 Điều này);
- b) Đóng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài và chuyển về nước toàn bộ số tiền đã chuyển ra nước ngoài theo Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước sau khi trừ đi các chi phí hợp lý liên quan đến việc mở, đóng tài khoản ngoại tệ của tổ chức ở nước ngoài, đồng thời báo cáo kèm theo xác nhận của ngân hàng nước ngoài và giấy báo có của ngân hàng nhận tiền trong nước cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính (đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này).

Điều 16. Thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép

1. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép của tổ chức trong trường hợp người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép, các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) (sau đây gọi là Quyết định thu hồi Giấy phép) của tổ chức theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) của tổ chức hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành.

3. Ngân hàng Nhà nước gửi Quyết định thu hồi Giấy phép cho tổ chức để thực hiện; Sao gửi Quyết định thu hồi Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính và tổ chức tín dụng được phép nơi tổ chức thực hiện chuyển tiền sang tài khoản ngoại tệ tại nước ngoài để phối hợp quản lý, theo dõi.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực, tổ chức có trách nhiệm:

- a) Đóng tài khoản và chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản về nước;
- b) Báo cáo kèm theo xác nhận của ngân hàng nước ngoài về việc đóng tài khoản cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối), đồng thời sao gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính;
- c) Nộp lại bản gốc Giấy phép, các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối).

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức liên quan

1. Trách nhiệm của Cục Quản lý ngoại hối:

- a) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức;
- b) Tiếp nhận, tổng hợp báo cáo liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức;
- c) Theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:

- a) Thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với hoạt động mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của các tổ chức trên địa bàn theo thẩm quyền;

b) Đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức trên địa bàn chấp hành chế độ báo cáo.

3. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được phép:

a) Thực hiện kiểm tra, kiểm soát các tài liệu, chứng từ do tổ chức xuất trình nhằm đảm bảo việc chuyển tiền sang tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức phù hợp với Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Lưu giữ các giấy tờ, chứng từ liên quan đến các giao dịch ngoại hối theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan;

c) Kịp thời báo cáo hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này của tổ chức cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) để có biện pháp xử lý;

d) Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Hướng dẫn khách hàng thực hiện nghiêm túc các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trách nhiệm của tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này):

a) Định kỳ hàng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo quý báo cáo, các tổ chức phải báo cáo bằng văn bản, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính về tình hình hoạt động tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này).

Thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

b) Thực hiện theo đúng nội dung quy định tại Giấy phép và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp;

c) Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Ghi rõ mục đích chuyển tiền đối với các lệnh chuyển tiền qua tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài liên quan đến việc thực hiện giao dịch rút vốn, trả nợ (gốc, lãi), trả phí của khoản vay nước ngoài.

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của các nội dung trong hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025 và

thay thế Thông tư số 20/2015/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Các tổ chức đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) của Ngân hàng Nhà nước trừ các trường hợp quy định tại Điều 15 Thông tư này. Việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

b) Các tổ chức đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép trước ngày Thông tư này có hiệu lực được Ngân hàng Nhà nước tiếp tục xem xét, quyết định theo quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-NHNN.

Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng được phép, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 19;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu; VT, Cục QLNH (05) ✓

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Phạm Thanh Hà

PHỤ LỤC I
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-NHNN ngày 11/10/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN
NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Mã số doanh nghiệp/ số Quyết định thành lập:.....

Số định danh của tổ chức (nếu có):.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):.....

Cơ quan cấp:.....ngày

Tên tổ chức:.....

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Lĩnh vực kinh doanh :.....

Trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài (nếu có):.....

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét và cấp Giấy phép được mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài.

Số lượng tài khoản:(loại ngoại tệ tương ứng)¹.....

Ngân hàng:.....

Địa chỉ:.....

Quốc gia:

Mục đích mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (nêu rõ lý do cần thiết mở tài khoản)²:.....

Dự kiến chi tiết các nguồn thu, chi trên mỗi tài khoản:

- Dự kiến nguồn thu:.....
- Dự kiến nguồn chi:

¹ Trường hợp mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay, thực hiện các cam kết với bên nước ngoài theo quy định tại điểm khoản 4 Điều 3 Thông tư số/2025/TT-NHNN mỗi tài khoản lập 1 Đơn riêng.

² Tổ chức báo cáo chi tiết sự cần thiết phải mở tài khoản như: Tài khoản được mở theo quy định tại Điều/Khoản ...của Thỏa thuận về tài khoản số... ký ngày...và các giấy tờ có liên quan khác chứng minh mục đích mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài...

Thời gian sử dụng tài khoản ở nước ngoài:.....

Số tiền cần chuyển hàng năm / Hạn mức số dư tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài:

.....

Ngân hàng chuyển tiền tại Việt Nam:.....

Các nội dung khác có liên quan (nếu có):.....

(Đối với việc xin mở tài khoản và chuyển tiền để thực hiện cam kết đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài, trong trường hợp không được cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cấp phép, tổ chức phải cam kết đóng tài khoản và chuyển số tiền đã được NHNN cho phép chuyển ra nước ngoài về nước).

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...../2025/TT-NHNN, các quy định quản lý ngoại hối hiện hành và các quy định pháp luật liên quan.

Hồ sơ gửi kèm:..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

Ký tên, đóng dấu



(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2025/TT-NHNN ngày 21/01/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối)

Mã số doanh nghiệp/ số Quyết định thành lập:.....

Số định danh của tổ chức (nếu có):.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):.....

Cơ quan cấp:..... ngày

Tên tổ chức:.....

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Lĩnh vực kinh doanh:.....

Trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài (nếu có):.....

Số Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước cấp: ngày:

Đã được cấp các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép số..... ngày.....(nếu có)
1.

Nội dung sửa đổi

Nội dung tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung với Ngân hàng Nhà nước:

.....

Lý do sửa đổi²:

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong đơn, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc quy định tại Thông tư số...../2025/TT-NHNN, các quy định quản lý ngoại hối hiện hành và các quy định pháp luật liên quan.

Hồ sơ gửi kèm:..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký và đóng dấu)

¹ Tổ chức liệt kê đầy đủ các Quyết định sửa đổi, bổ sung giấy phép.

² Tổ chức báo cáo chi tiết các lý do sửa đổi như: sự cần thiết phải sửa đổi Giấy phép theo quy định tại điều, khoản... tại Thỏa thuận....



PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-NHNN ngày 31/10/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-QLNH..

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP

Mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của.....(tên tổ chức)

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức;

Xét đề nghị tại Đơn đề nghị cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của (tên tổ chức)..... số..... ngày..... kèm theo các hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

1. Cho phép (tên tổ chức).....

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/.....số.....

- Số định danh của tổ chức (nếu có).....

- Trụ sở chính:.....

được mở tài khoản ngoại tệ (loại ngoại tệ) tại ngân hàng nước ngoài:

- Ngân hàng:.....

- Địa chỉ:.....

- Quốc gia:.....

2. Mục đích sử dụng của tài khoản:.....

3. Nội dung thu, chi của tài khoản:
 - a) Nội dung thu:.....
 - b) Nội dung chi:.....
4. Hạn mức chuyển ngoại tệ vào tài khoản ở nước ngoài (Hạn mức số dư tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài);.....
5. Thời hạn sử dụng tài khoản ở nước ngoài:.....
6. Ngân hàng chuyển tiền tại Việt Nam (Trường hợp mở tài khoản phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện ở nước ngoài, thực hiện hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài):.....
- Ngân hàng mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bằng ngoại tệ hoặc tài khoản ngoại tệ tại Việt Nam (Trường hợp doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ, doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài):.....
7. Các nội dung khác có liên quan (nếu có):.....

Điều 2:

1. (tên tổ chức).... phải sử dụng tài khoản nói trên theo đúng mục đích quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép, (tên tổ chức)... phải đóng tài khoản và chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản (nếu có) về nước, đồng thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý Ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực..... (nơi tổ chức đặt trụ sở chính).

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài có văn bản từ chối không cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con (Tên tổ chức) phải chuyển về nước số tiền đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép chuyển ra nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này sau khi trừ đi các chi phí hợp lý liên quan đến việc mở, đóng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài (Trường hợp xin mở tài khoản và chuyển tiền để thực hiện cam kết đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài).

2. Trường hợp (tên tổ chức)... có nhu cầu điều chỉnh bất kỳ nội dung nào tại Điều 1 Giấy phép này, (tên tổ chức)... phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).

3. Định kỳ hàng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, (tên tổ chức)... phải gửi báo cáo tình hình hoạt động của tài khoản về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....(nơi tổ chức đặt trụ sở chính).

Điều 3:

Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của....(tên tổ chức) có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tổ chức đề nghị;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ(để b/c);
- NHNN chi nhánh Khu vực.. (để p/h);
- TCTD (để p/h);
- Lưu VT, QLNN...

CỤC TRƯỞNG

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-NHNN ngày 31/05/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-QLNH...

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của....(tên tổ chức) lần thứ...

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức;

Xét đề nghị tại Đơn đề nghị cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của (tên tổ chức)..... số..... ngày..... kèm theo các hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

Các nội dung.....tại Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của.....(tên tổ chức) số ... ngày ... được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 2:

Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của ...(tên tổ chức) có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tổ chức đề nghị;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ...(để b/c);
- NHNN chi nhánh Khu vực... (để p/h);
- TCTD (để p/h);
- Lưu VT, QLNH...

CỤC TRƯỞNG



PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-NHNN ngày 31/10/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI KHOẢN
NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI
(Báo cáo Quý năm)

Kính gửi: - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối);
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi tổ chức đặt
trụ sở chính)

Tên tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị:.....

Số định danh của tổ chức (nếu có):.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc mở và sử dụng tài khoản
ngoại tệ ở nước ngoài theo Giấy phép số:ngày tháng..... năm

Mục đích mở tài khoản (ghi đầy đủ mục đích trong Quyết định):.....

Tên ngân hàng mở tài khoản ngoại tệ tại nước ngoài:.....

Tên ngân hàng thực hiện việc chuyển tiền tại Việt Nam:.....

Thời hạn sử dụng tài khoản:.....

Ngày mở tài khoản:.....Số tài khoản:.....

Loại ngoại tệ báo cáo:.....

Tổng số tiền đã chuyển ra nước ngoài trong quý báo cáo:.....

Đơn vị:

Chỉ tiêu	Số phát sinh		Ghi chú
	Ngoại tệ mở tài khoản	Quy USD	
I. Dư đầu kỳ			
II. Phát sinh trong kỳ (II= 1 - 2)			
1. Tổng thu:			
...			

2. Tổng chi:			
....			
III. Dư cuối kỳ (III= I+II)			

Tổng số tiền đã chuyển về Việt Nam trong quý báo cáo (nếu có):.....

* Cột chỉ tiêu: Ghi chi tiết nội dung thu, chi trên tài khoản. Ví dụ nhận tiền từ tài khoản trong nước chuyển sang sẽ được ghi nhận dưới phần Tổng thu, thanh toán tiền thuê văn phòng đại diện sẽ được ghi nhận dưới phần Tổng chi.

Người lập bảng

Kiểm soát

...., ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(ký và đóng dấu)



PHỤ LỤC VI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-NHNN ngày 11/10/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-QLNH..

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH THU HỒI

Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài/Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi Giấy phép số.....ngàytháng..... năm.....và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) đã cấp cho tổ chức...(tên tổ chức).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi có hiệu lực, tổ chức có trách nhiệm:

1. Đóng tài khoản và chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản về nước (nếu có);
2. Báo cáo kèm theo xác nhận của ngân hàng nước ngoài về việc đóng tài khoản cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối), đồng thời sao gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính;
3. Nộp lại bản gốc Giấy phép, các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối).

Điều 3: ...(tên tổ chức) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ chức đề nghị;
- NHNN chi nhánh Khu vực (đề p/h);
- TCTD (đề p/h);
- Lưu VP, QLNH...

CỤC TRƯỞNG